TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 434/2025/DS-PT Ngày 09 tháng 5 năm 2025 V/v " Tranh chấp về chia di sản thừa kế theo pháp luật, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đòi đất cho ở nhờ".	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 683/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về chia di sản thừa kế theo pháp luật, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đòi đất cho ở nhờ"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 328/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 523/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 732/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 634/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 624/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 255/2025/QĐH-PT ngày 02 tháng 4 năm 2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1212/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Võ Thị B, sinh năm 1944 (đã chết);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1. Ông Phạm Phú H, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H1, Luật sư thuộc Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Ông Phạm Xuân H2, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Phạm Phúc Bảo H3, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Phạm An H4, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

5. Ông Phạm Phúc Bảo H5, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D đường T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền cho các ông Phạm Xuân H2, Phạm Phúc Bảo H3, Phạm An H4 và Phạm Phúc Bảo H5: Ông Phạm Phú H, sinh năm 1971 (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 24/3/2025) (có mặt);

Địa chỉ: Số A đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Cụ Võ Văn T, sinh năm 1950 (đã chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Võ Văn T:

1. Bà Võ Thị Mai K, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Số D, Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Võ Thế H6, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Võ Hoàng H7, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số H, ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Ngọc Y, bà Võ Thị Mai K, ông Võ Thế H6, ông Võ Hoàng H7: Ông Võ Trọng K1, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Số G đường P, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Võ Thị Mai K, bà Võ Thị Ngọc Y, ông Võ Thế H6 và ông Võ Hoàng H7: Bà Trương Thị Minh T1 (có mặt);

Địa chỉ: Số A đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Mai K, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Số D, Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Võ Thế H6, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Võ Hoàng H7, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số H, Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Võ Thị Mai K, bà Võ Thị Ngọc Y, ông Võ Thế H6 và ông Võ Hoàng H7: Bà Trương Thị Minh T1;

Địa chỉ: Số A đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số G đường N, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1931 (chết năm 2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đỗ Thị M:

6.1. Ông Võ Kim G, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, ấp B, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6.2. Ông Võ Văn N, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6.3. Ông Võ Thanh N1, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6.4. Bà Võ Thị Thu H8, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6.5. Bà Võ Thị Kim S, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường N, Phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà Võ Thị T3, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

8. Bà Võ Thị Thanh L, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D, Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

9. Bà Võ Thị Ngọc C, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số G, Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

10. Ông Võ Ngọc L1, sinh năm 1942(vắng mặt);

Địa chỉ: Số C, Ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

11. Bà Trần Thị Thu N2, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số F, khu phố A L, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

12. Bà Trần Thị B1, sinh năm 1966, Quốc tịch Hoa Kỳ (vắng mặt);

Địa chỉ: 3936 124TH AVE NW COON RAPIDS MN 55433 USA.

13. Ông Trần Hữu C1, sinh năm 1968, Quốc tịch Hoa Kỳ (vắng mặt);

Địa chỉ: 511 124TH L, C, MN 55448-2631 USA.

15. Bà Trần Thị Hồng H9, sinh năm 1975, Quốc tịch Hoa Kỳ (vắng mặt);

16. Ông Trần Hữu L2, sinh năm 1978, Quốc tịch Hoa Kỳ (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 9706 EVERGREEN AVE BROOKLYN PARK MN 55443 USA.

17. Bà Trần Thị Linh Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, Ấp B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

18. Bà Võ Ngọc N3, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D đường N, Khu phố G, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

19. Bà Huỳnh Hồng H10, sinh năm 1966 (vắng mặt);

20. Ông Võ Huỳnh H11, sinh năm 1991 (vắng mặt);

21. Ông Võ Quỳnh Xuân H12, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số A đường T, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

22. Chị Nguyễn Trà Khánh L3, sinh năm 2006 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số D, Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Mai K, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

23. Bà Nguyễn Thị Hòa H13, sinh năm 1976 (vắng mặt);

24. Cháu Võ Nguyễn Thế H14, sinh năm 2010 (vắng mặt);

25. Chị Võ Nguyễn Mai H15, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số C, Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật của Thế H14: Bà Nguyễn Thị Hòa H13, sinh năm 1976 (vắng mặt);

26. Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: Số C đường H, Phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C2 - Chức vụ: Chủ tịch (có văn bản xin xét xử vắng mặt);

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là cụ Võ Thị Bạch .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là cụ Võ Thị B có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ cụ B là cụ Võ Văn T4, sinh năm 1914 (chết năm 1968) và cụ Trương Thị D, sinh năm 1912 (chết ngày 26/4/2003) chung sống với nhau có tất cả là 09 (chín) người con, gồm:

1. Võ Văn T5, sinh năm 1931 (chết năm 2015), có vợ là bà Đỗ Thị M và 05 người con chung tên: Võ Kim G, Võ Văn N, Võ Thanh N1, Võ Thị Thu H8 và Võ Ngọc S1.

2. Võ Tài H16, sinh năm 1937 (chết năm 1968), có vợ là Lê Thị N4 (chết năm 2012) có 04 người con chung tên: Võ Thị T3, Võ Thành T6 (chết năm 2008) có vợ là bà Quỳnh Hồng H17 và 02 con chung là Võ Quỳnh Q và Võ Quỳnh Xuân H12, Võ Thị Thanh L và Võ Thị Ngọc C.

3. Võ Ngọc L1.

4. Võ Thị C3, sinh năm 1942 (chết năm 2012), có chồng là Trần Hữu H18 (chết năm 2013), có 07 người con chung tên: Trần Thị N5 (chết không chồng con), Trần Thị Thu N2, Trần Thị B1, Trần Hữu C1, Trần Thị Hồng H9, Trần Hữu L2, Trần Thị Linh Đ.

5. Võ Thị Bạch .

6. Võ Văn H19, sinh năm 1945 (chết năm 1968 không vợ, con).

7. Võ Văn T.

8. Võ Ngọc T7, sinh năm 1949 (chết năm 1969 không vợ, con).

9. Võ Ngọc N3.

Lúc sinh thời cụ Trương Thị D có tạo lập khối tài sản, gồm: 01 ngôi nhà ngói 03 căn, kết cấu xây dựng: Cột bê tông, vách tường, mái ngói, nền gạch bông, diện tích xây dựng khoảng 150m^2 được xây dựng trên thửa đất số: 637, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.601m^2 đất vườn, tọa lạc tại: Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và thửa đất số 231, diện tích 4.875m^2 đất 2L, tọa lạc tại xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cụ D chết, không để lại di chúc toàn bộ ngôi nhà và hai thửa đất trên, cụ T âm thầm tự ý đăng ký kê khai đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được sự đồng ý của tất cả hàng thừa kế thứ nhất của cụ D là không đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình khởi kiện, phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp cho Tòa án di chúc do cụ Trương Thị D lập ngày 31/7/2001 và phía cụ Võ Văn T đã lập thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc, được Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi cụ T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lại cho các con của cụ T gồm: Võ Thế H6, Võ Ngọc Y, Võ Hoàng H7 và Võ Thị Mai K, hiện các con cụ T đã được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhận thấy, Di chúc do cụ Trương Thị D xác lập ngày 31/7/2001 là không hợp pháp, bởi tại thời điểm lập di chúc cụ Trương Thị D đã 89 tuổi, nhưng không có giấy chứng nhận của cơ quan y tế cụ D có đủ năng lực hành vi dân sự để lập di chúc. Mặt khác, cụ D là người không biết chữ, nên bị hạn chế một phần năng lực hành vi dân sự, tại thời điểm lập di chúc không có 02 người làm chứng là trái với khoản 3 Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định. Nên di chúc do cụ Trương Thị D lập ngày 31/7/2001 là không hợp pháp.

Do đó, cụ B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Cụ B yêu cầu công nhận ngôi nhà ngói 03 căn, kết cấu xây dựng: Cột bê tông, vách tường, mái ngói, nền gạch bông, diện tích xây dựng khoảng 150m^2 được xây dựng trên thửa đất số 73, lô số 637, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.601m^2 đất vườn, tọa lạc tại Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và thửa đất số 231, diện tích 4.875m^2 đất 2L, tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ Trương Thị D qua đời để lại chưa chia.

+ Yêu cầu chia di sản thừa kế 02 thửa đất nêu trên có tổng diện tích là 9.476m^2 cho 07 kỷ phần bằng nhau. Mỗi kỷ phần được nhận là 1.353m^2, cụ B xin nhận bằng hiện vật.

+ Đối với ngôi nhà ngói 03 căn diện tích xây dựng 150m^2 được xây dựng trên thửa đất số 73, lô số 637, tờ bản đồ số 1, cụ B yêu cầu chia thừa kế cho 07 kỷ phần bằng nhau, bà xin nhận giá trị theo biên bản định giá của Tòa án.

+ Hủy Di chúc do cụ Trương Thị D lập ngày 31/7/2001 được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03850QSDĐ/793.9604/QĐUB(H) ngày 09/6/2004 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho cụ Võ Văn T đứng tên.

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và ông Võ Thế H6 xác lập ngày 24/10/2006.

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và bà Võ Thị Ngọc Y xác lập ngày 24/10/2006.

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và ông Võ Hoàng H7 xác lập ngày 24/10/2006.

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và bà Võ Thị Mai K xác lập.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03022 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Võ Thị Mai K đứng tên.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03025 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Hoàng H7 đứng tên.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03026 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Võ Thị Ngọc Y đứng tên.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03021 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ông Võ Thế H6 đứng tên.

Bị đơn là cụ Võ Văn T có người đại diện theo ủy quyền ông Võ Trọng K1 trình bày:

Cụ T thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế thứ nhất của cụ D. Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Võ Thị B, bị đơn không đồng ý bởi mẹ cụ T là cụ Trương Thị D đã lập tờ di chúc vào ngày 31/7/2001 để lại căn nhà và hai thửa đất đang tranh chấp cho cụ T, di chúc này hoàn toàn hợp pháp và đã phát sinh hiệu lực pháp luật nên cụ T không đồng ý với tất cả yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Võ Thị Mai K trình bày:

Bà là con ruột của cụ Võ Văn T, sinh năm 1950 và mẹ là bà Trần Thị M1, sinh năm 1951 (mất năm 2017 do bệnh). Cha bà là cụ T có thừa kế theo di chúc của bà nội chị là cụ D gồm các thửa đất sau:

+ Thửa đất số thửa 637, diện tích 3957,5m^2 (vườn + đất ở) do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 6 năm 2004. Tọa lạc tại địa chỉ số H, Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

+ Thửa đất số 231 diện tích 5051,7m^2 (vườn) do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09 tháng 6 năm 2004 tọa lạc tại địa chỉ Ấp C xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 22/11/2006, cụ T có làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho các con, trong đó bà được nhận thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 989,98m^2 tại địa chỉ Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (thuộc thửa đất số 231 diện tích 5051,7m^2 trên). Hiện nay, trên thửa đất của bà có căn nhà cấp 4 được xây dựng năm 2012, diện tích khoảng 75m^2 của cụ Võ Thị B, nguồn gốc là năm 2012 cụ B di chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh về Tiền Giang không có chỗ ở nên chị cho cụ B cất nhà ở nhờ trên phần đất của bà và có thỏa thuận miệng khi nào cụ B mua đất cất nhà thì trả lại đất cho bà, nhưng từ năm 2018 đến nay cụ B và con đã mua đất, cất nhà và xây khu nhà trọ ở ấp T, xã T, huyện C. Từ khi cất nhà xong, cụ B đã di chuyển chỗ ở về ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Hiện tại, cụ B đã có nơi cư ngụ ổn định và từ khi di chuyển chỗ ở, căn nhà cụ B cất trên đất của bà đã nhiều năm đóng cửa không ai ở. Bà Võ Thị Mai K yêu cầu Tòa án buộc cụ Võ Thị B tháo dỡ căn nhà đã xây dựng để trả lại phần đất cho chị diện tích 75m^2 thuộc thửa 67, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền

Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG831361 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà K đứng tên. Bà K đồng ý hoàn trả chi phí căn nhà mà cụ B đã xây theo biên bản định giá của Tòa án. Bà K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Linh Đ và bà Võ Ngọc N3 trình bày:

Bà Trần Thị Linh Đ là con của Võ Thị C3, sinh năm 1942, hiện nay đã mất năm 2012, bà Võ Ngọc N3 là con gái út của cụ D, đối với phần đất cụ Võ Văn T thừa kế từ cụ Trương Thị D, bà N3, bà Linh Đ có ý kiến như sau: Cụ Võ Văn T là con trai út, sống từ nhỏ với cụ Trương Thị D, từ khi cụ D mất cụ T ở nhà thờ thay cụ D thờ cúng ông bà tổ tiên rất tươm tất và chu đáo.

Các người con khác của cụ D đã có gia đình và ra ở riêng.

Bà N3 và bà Đ không tham gia, không tranh chấp thừa kế tài sản và cũng không nhận bất kỳ thừa kế nào do cụ D để lại và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố M trình bày: Ủy ban nhân dân thành phố M không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của cụ Võ Thị B về việc yêu cầu:

+ Hủy Di chúc do cụ Trương Thị D lập ngày 31/7/2001 được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03850QSDĐ/793.9604/QĐUB(H) ngày 09/6/2004 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho cụ Võ Văn T đứng tên.

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và ông Võ Thế H6 xác lập ngày 24/10/2006.

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và bà Võ Thị Ngọc Y xác lập ngày 24/10/2006.

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và ông Võ Hoàng H7 xác lập ngày 24/10/2006.

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và bà Võ Thị Mai K xác lập ngày 24/10/2006

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03022 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Võ Thị Mai K đứng tên.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03025 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Hoàng H7 đứng tên.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03026 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Võ Thị Ngọc Y đứng tên.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03021 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ông Võ Thế H6 đứng tên.

+ Chia thừa kế theo pháp luật: 01 ngôi nhà ngói 03 căn, kết cấu xây dựng: Cột bê tông, vách tường, mái ngói, nền gạch bông, diện tích xây dựng khoảng 150m^2 được xây dựng trên thửa đất số 637, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.601m^2 đất vườn, tọa lạc tại: Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trương Thị D.

+ Chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 637, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.601m^2 tại Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và thửa đất số 231, diện tích 4.875m^2 đất 2L, tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do cụ D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/1997 cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trương Thị D.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Mai K yêu cầu cụ Võ Thị B tháo dỡ căn nhà có diện tích 92,4m^2 có kết cấu: xây tường, cột bê tông cất trên diện tích 989,98m^2 thửa 67, tờ bản đồ số 14, tại Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do bà K đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2006 (có sơ đồ kèm theo).

Ghi nhận bà Võ Thị Mai K chịu chi phí tháo dỡ nhà cho cụ B là 50.000.000 đồng.

Thời gian giao tiền và tháo dỡ nhà thực hiện khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/9/2022, cụ Võ Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ.

Cụ B chết ngày 22/6/2024, chồng của cụ B là cụ Phạm Văn H20 chết ngày 24/02/2000. Cha mẹ cụ B đã chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B gồm có: Phạm Phú H, ông Phạm Xuân H2, ông Phạm Phúc Bảo H3, ông Phạm An H4 và ông Phạm Phúc Bảo H5.

Cụ Võ Văn T đã chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T gồm các ông (bà): Võ Thị Mai K, Võ Thị Ngọc Y, Võ Thế H6 và Võ Hoàng H7.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Phạm Phú H đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B là ông Nguyễn Xuân H1 trình bày: Theo Bản Di chúc ngày 31/7/2001, cụ D để lại 02 thửa đất cho cụ T, căn cứ quy định pháp luật và chứng cứ trong hồ sơ, bản Di chúc này không hợp pháp. Trong bản di chúc không có chữ ký, chữ viết, không điểm chỉ. Cụ D không biết đọc - viết. Nguyên đơn cung cấp cho Toà phúc thẩm chứng minh nhân dân của cụ D tại Công an tỉnh T. Năm 1978, cụ D gần 70 tuổi, không biết chữ.

Theo lời khai của con cụ D, giấy xác nhận có trong hồ sơ là cụ D không biết chữ, hàng xóm cũng xác nhận cụ D không biết chữ, không biết viết, chỉ lăn tay. Bản án sơ thẩm cho rằng Di chúc của cụ D là hợp pháp theo khoản 3 Điều 655, Điều 661 BLDS 1995. Luật sư không đồng ý vì áp dụng sai quy định pháp luật. Cụ D phải có người làm chứng khi lập di chúc. Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực do người lập di chúc soạn thảo, trong khi cụ D không biết chữ. Dấu vân tay: Giám định dấu vân tay, 02 lần giám định đều xác nhận mờ nhoè, không có căn cứ xác định đây là dấu vân tay của cụ D. Có sự không rõ ràng nên di chúc là giả tạo. Tài sản của vợ chồng cụ D tạo lập, chỉ để lại cho duy nhất 01 đứa con là không hợp lý. Tài sản của cụ D lớn, có quyền nghi ngờ sự giả dối, mờ ám của di chúc. Tài sản của cụ D để lại cho cụ T, không để lại cho cụ B là người không có nhà ở. Căn nhà của cụ B: Năm 2007, cụ B nhờ cụ T xây 01 căn nhà trên đất để tá túc ở. Cụ B bỏ tiền ra xây, sau này cụ B hỏi cụ T thì mới biết đất đã để lại cho cụ T theo di chúc. Sau đó, bà K rào lại không cho cụ B ở nên cụ B mới phải chuyển đi. Bị đơn cho rằng cụ B có dãy nhà trọ, cụ B trong quá trình xét xử có xác nhận không có tài sản, ruộng đất, nhà ở. Cơ quan địa chính của chính quyền UBND xã T xác nhận nội dung này đúng sự thật. Cụ B không có nhà ở, cụ B ở nhà thuê với các con, cụ B không có nhà ở như bị đơn trình bày. Di chúc theo quy định phải khai di sản thừa kế. Việc kê khai nhà đất không hợp lý, thửa 637, tờ bản đồ số 01: có nguồn gốc từ thời 1960, vợ chồng cụ D ở từ đó. Năm 1997, mới được cấp đất, tài sản chung của vợ chồng cụ D, phần của cụ T4 phải kê khai di sản thừa kế, nếu di chúc cụ D lập thì chỉ định đoạt phần của cụ D chứ không định đoạt được phần của chồng cụ D. Đề nghị Toà chấp nhận yêu cầu của cụ B, đề nghị chia thừa kế đối với tài sản do cha mẹ để lại. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của cụ B. Cụ B có 09 người con, 02 người đã chết, chia 07 người. Cụ B hưởng thừa kế của cha mẹ cũng trên 1.000m^2 đất.

Ông Phạm Phú H trình bày: Thống nhất ý kiến của Luật sư H1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Y, bà Mai K, ông H6 và ông H7 là bà Trương Thị Minh T1 trình bày:

Nguyên đơn, luật sư cho rằng cụ D không biết chữ là phiến diện, chưa xem

xét chứng cứ trong hồ sơ. Cụ D kê khai đất đai ngày 31/12/1970, cụ D có ký tên gửi cho Đại tá Tỉnh trưởng Định T8 xin yêu cầu bồi thường thiệt hại hoa màu tổng cộng 2.468.000 đồng, có 06 chữ ký của cụ Trương Thị D và được T9 ấp ông Nguyễn Văn T10 chứng thực vào ngày 05/01/1971: *"*Chứng thực theo đơn của đương sự kính chuyển đến UBHC xã cứu xét". Kê khai gia đình Liệt sĩ năm 1978, cụ D cũng kê khai làm CCCD lại ghi cụ D không biết chữ. Cụ D không phải không biết chữ như Luật sư xác định. Tờ lập Di chúc ngày 31/7/2001, thời điểm mở thừa kế là năm 2003, thời điểm này Bộ luật Dân sự năm 1995 đang có hiệu lực pháp luật và Bộ luật Dân sự 2015 chưa ra đời. Vì vậy, phải áp dụng Bộ luật Dân sự năm 1995 chứ không phải áp dụng khoản 2 Điều 636 và Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2015 theo như đơn kháng cáo của cụ Võ Thị B, đơn kháng cáo không có căn cứ. Ngày 31/12/1970, cụ Trương Thị D gửi Đại tá Tỉnh trưởng Định T8 xin yêu cầu bồi thường thiệt hại hoa màu, có chữ ký của cụ D, cụ D biết chữ, minh mẫn sáng suốt. Người lớn tuổi lập di chúc không bắt buộc khám sức khoẻ, có giấy xác nhận cụ D còn minh mẫn, sáng suốt ngày 17/9/2001 của trạm y tế xã Đ và đại diện địa phương Ấp D đã lập biên bản xác nhận tinh thần của cụ Trương Thị D, Biên bản được lập vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 17/9/2001 tại địa điểm nhà cụ Võ Văn T, được đại diện trạm y tế xã Đ - ông Nguyễn Văn T11, Ban Lãnh đạo Ấp 4 - ông Nguyễn Văn R, Ngô Văn N6, Phan Thanh Đ1 ký xác nhận. Di chúc ngày 31/7/2001, đúng quy định pháp luật, được UBND xã Đ chứng thực, đáp ứng Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 1995. Nguyên đơn suy diễn khi nói là dấu vân tay giả. Giám định lại dấu vân tay là không xác định được thì không có nghĩa là giả. Việc không giám định được do kéo dài thời gian, Luật sư không nên xâm phạm thân chủ người khác. Ngày 25/6/2023, tất cả người con của bà C3 xin vắng mặt và nêu rõ: Chúng tôi là con của bà Võ Thị C3 (sinh năm 1942, đã mất), chúng tôi là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án "Tranh chấp thừa kế tài sản" do cụ Võ Thị B làm nguyên đơn với bị đơn là cụ Võ Văn T. *Theo quy định của pháp luật, chúng tôi phải tham gia vào quá trình tố tụng tại Toà án nhưng chúng tôi không tham gia, không tranh chấp thừa kế tài sản và cũng không nhận bất kỳ thừa kế nào do bà ngoại tôi (Trương Thị D) để lại".* Ngày 15/4/2024, ông Võ Ngọc L1 làm đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung: *"Mẹ tôi là bà Trương Thị D đã làm Di chúc vào ngày 31/7/2001 cho em trai tôi là Võ Văn T là con trai út trực tiếp sống, nuôi dưỡng mẹ tôi cho đến khi mẹ tôi qua đời là đúng sự thật. Em tôi là Võ Thị B khởi kiện tranh chấp thừa kế với em Võ Văn T là không đúng. Tôi xác định không yêu cầu chia thừa kế phần đất của mẹ tôi đã cho em Võ Văn T. Nên tôi xin quý Toà, quý Thẩm phán cho tôi vắng mặt tất cả các phiên xét xử".* Ngày 16/4/2024, ông Võ Ngọc N3 làm đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung: *"Mẹ tôi là bà Trương Thị D đã làm Di chúc vào ngày 31/7/2001 cho anh trai tôi là Võ Văn T là con trai út trực tiếp sống, nuôi dưỡng mẹ tôi cho đến khi mẹ tôi qua đời là đúng sự thật. Chị tôi là Võ Thị B khởi kiện tranh chấp thừa kế với anh Võ Văn T là không đúng. Tôi xác định không yêu cầu chia thừa kế phần đất của mẹ tôi đã cho anh Võ Văn T. Nên tôi xin quý Toà, quý Thẩm phán cho tôi vắng mặt tất cả các phiên xét xử".* Từ ý kiến trình bày trên xác định, cụ Trương Thị D để lại Di chúc cho cụ Võ Văn T đối với thửa đất 637 diện tích: 4.601m^2, thửa đất 231, diện tích: 4.875m^2, Quyền sử dụng đất số: 82 QSDĐ/UB là hợp pháp, hoàn toàn phù

hợp với các chứng cứ có trong vụ án. Các con ruột trong gia đình xác định di chúc có thật, mẹ cho cụ T có thật, con dâu xác định lú lẫn là không chính xác, chứng cứ quan trọng lời trình bày của nhân chứng khác không có căn cứ.

Đối với yêu cầu độc lập của chị Võ Thị Mai K: Vào năm 2012, bà Võ Thị Mai K cho cụ Võ Thị B xây dựng nhà trên đất của mình với diện tích 92,4m^2 thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ 14, địa chỉ: Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vì cụ B từ Thành phố Hồ Chí Minh về Tiền Giang không có chỗ ở và có thoả thuận miệng khi nào cụ B mua đất cất nhà thì trả lại đất cho bà Mai K. Căn cứ xác nhận của ông Trần Văn N7 - trưởng Ấp C, xã Đ theo đơn xin xác nhận không tạm trú ngày 02/12/2020 của bà Võ Thị Mai K có nội dung "Bà Võ Thị Mai K cư ngụ Tổ 7, Ấp C, xã Đ. Theo đơn của bà Mai K trình bày là đúng sự thật". Từ năm 2018, cụ B đã cất nhà và xây khu nhà trọ ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông H là người trong cuộc trình bày, cụ B xin cụ T cất nhà. Người trong cuộc mới biết chính xác sự thật. Cụ T đứng tên quyền sử dụng đất, đã cho các con, vì tình cảm gia đình cho cụ B cất ở nhờ. Luật sư nguyên đơn trình bày phát sinh thừa kế của chồng cụ D, ông T4 mất năm 1968, sau năm 1975, đất đai thuộc sở hữu toàn dân, bản thân cụ D kê khai theo quy định, xác lập quyền sở hữu của cụ D. Không có chuyện bà K ngăn cản không cho cụ B ở, khi tranh chấp, cụ B có vô sơn lại nhà. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn.

Ông Võ Trọng K1 trình bày: Thống nhất ý kiến tranh luận của Luật sư. Khẳng định Di chúc của cụ D hợp pháp, đúng quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, có giá trị pháp lý. Nguyên đơn cho rằng không có giá trị pháp lý, không có căn cứ chứng minh. Cụ B có nhà trọ P về ở năm 2007, có hình ảnh cung cấp, nhà lầu, cà phê, cụ B bị đuổi ra khỏi nhà là không đúng. Nguyên đơn kháng cáo không cung cấp chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Căn nhà trên đất đã bỏ hoang trên dưới 08 năm, đã xuống cấp nghiêm trọng. Cụ Võ Văn T được nhận thừa kế thửa đất nêu trên theo Di chúc của cụ D để lại, năm 2006, cụ T làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị Mai K. Vì vậy, bà K có toàn quyền quyết định, định đoạt thửa đất nêu trên nên bà K yêu cầu cụ B trả lại phần diện tích đất 92,4m^2 thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ 14, địa chỉ: Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ. Bà Võ Thị Mai K đồng ý hỗ trợ cụ Võ Thị B 50.000.000 đồng theo ghi nhận của Bản án sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B trình bày: 02 tài liệu mà Luật sư T1 cho rằng có chữ ký của cụ D, đề nghị Luật sư công khai.

Luật sư T1 đã cho Luật sư H1 xem các tài liệu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tính pháp lý của Di chúc ngày 31/7/2001, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nghi ngờ giả mạo di chúc, không có chứng minh căn cứ rõ ràng. Di chúc ngày 31/7/2001 được Chủ tịch chứng thực, phù hợp lời khai của ông L1, bà N3. Cụ T thờ cúng rất chu đáo, cụ T được cụ D để lại di chúc cho cụ T, không có cơ sở chia di sản. Cụ T là người trực tiếp thờ cúng, chăm sóc cụ D, tôn tạo và giữ gìn căn nhà. Cụ T được Nhà nước cấp chủ quyền, định đoạt tài sản cho các con. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của cụ Võ Thị B là nguyên đơn, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông Phạm Phú H, ông Phạm Xuân H2, ông Phạm Phúc Bảo H3 và ông Phạm Phúc Bảo H5, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Cố Võ Văn T4, sinh năm 1914 (chết năm 1968) và cụ Trương Thị D, sinh năm 1912 (chết ngày 26/4/2003) chung sống với nhau có tất cả là 09 (chín) người con, gồm:

1. Võ Văn T5 (chết năm 2015), có vợ là bà Đỗ Thị M và 05 người con chung tên: Võ Kim G, Võ Văn N, Võ Thanh N1, Võ Thị Thu H8 và Võ Ngọc S1.

2. Võ Tài H16 (chết năm 1968), có vợ là Lê Thị N4 (chết năm 2012) có 04 người con chung tên: Võ Thị T3, Võ Thành T6 (chết năm 2008) có vợ là bà Quỳnh Hồng H17 và 02 con chung là Võ Quỳnh Q và Võ Quỳnh Xuân H12, Võ Thị Thanh L và Võ Thị Ngọc C.

3. Võ Ngọc L1.

4. Võ Thị C3 (chết năm 2012), có chồng là Trần Hữu H18 (chết năm 2013), có 07 người con chung tên: Trần Thị N5 (chết không chồng con), Trần Thị Thu N2, Trần Thị B1, Trần Hữu C1, Trần Thị Hồng H9, Trần Hữu L2, Trần Thị Linh Đ.

5. Võ Thị B (chết ngày 22/6/2024), chồng cụ B là Phạm Văn H20 chết ngày 24/02/2000. Cha mẹ cụ B đã chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B gồm có: Ông Phạm Phú H, ông Phạm Xuân H2, Phạm Phúc Bảo H3 và Phạm Phúc Bảo H5.

6. Võ Văn H19 (chết năm 1968 không vợ, con).

7. Võ Văn T.

8. Võ Ngọc T7 (chết năm 1969 không vợ, con).

9. Võ Ngọc N3.

[2.2] Cụ Trương Thị D có tạo lập khối tài sản, gồm: 01 ngôi nhà ngói 03 căn, kết cấu xây dựng: Cột bê tông, vách tường, mái ngói, nền gạch bông, diện tích xây dựng khoảng 150m^2 được xây dựng trên thửa đất số 637, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.601m^2 đất vườn, tọa lạc tại: Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và thửa đất số 231, diện tích 4.875m^2 đất 2L, tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do cụ D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/1997. Cụ D sống chung với cụ Võ Văn T. Ngày 31/7/2001, cụ D có lập di chúc để lại nhà và 02 thửa đất trên cho cụ T, di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M. Đến ngày 26/4/2003, cụ D chết, nhà và đất trên cụ T tiếp tục quản lý. Căn cứ vào di chúc cụ T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 27/4/2004 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 09/6/2004. Nay cụ B yêu cầu hủy Di chúc của cụ D lập ngày 31/7/2001 cho cụ T, chia thừa kế theo pháp luật di sản nhà đất của cụ D cho hàng thừa kế của cụ D gồm 07 người con.

Việc các bên thống nhất căn nhà và 02 thửa đất nêu trên là tài sản do cụ D tạo lập khi các con có gia đình ở riêng chỉ có cụ T ở chung và chăm sóc cho cụ D đến khi chết. Ngày 31/7/2001, cụ D đến Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M lập di chúc cho cụ T, nội dung di chúc cụ D thể hiện cụ D định đoạt thửa đất 637 diện tích 4.601m^2 và thửa 231 diện tích 4.875m^2 và 01 ngôi nhà số H, Ấp D xã Đ, thành phố M cho cụ T, nội dung di chúc có đoạn "để tránh sự tranh chấp sau này khi tôi qua đời, nay đầu óc tôi còn minh mẫn sáng suốt và suy nghĩ cặn kẽ, thấu đáo, tôi quyết định để lại toàn bộ số vườn đất và căn nhà trên cho con trai út tôi là Võ Văn T đang cư ngụ chung với tôi. Bởi vì các anh chị em của T đã có gia đình và ra riêng. Riêng chỉ có T là con trai út sống với tôi từ nhỏ đến nay nên tôi quyết định để lại số vườn đất trên cho T chăm sóc, sử dụng. Khi tôi qua đời, T lo việc cúng giỗ ông bà như từ trước đến nay", cụ D lăn tay có Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực.

Tại cấp phúc thẩm, Toà án đã thu thập chứng cứ, tiến hành giám định dấu vân tay của cụ D nhưng các Kết luận giám định thể hiện như sau:

Kết luận giám định số 8456/KL-KTHS ngày 06/8/2024 của Phòng K2 Công an Thành phố H thể hiện "Dấu vấn tay mang tên "Trương Thị D" dưới mục "Người lập di chúc" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) thể hiện mờ nhoè, không đủ yếu tố giám định".

Kết luận giám định số 13367/KL-KTHS ngày 06/12/2024 của Phòng K2 Công an Thành phố H thể hiện "Dấu vân tay dưới mục "Người lập di chúc" trên 02 (hai) tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (đã nêu ở mục II.1) bị mờ nhoè, không rõ đặc điểm đặc trưng nên không đủ yếu tố giám định".

Kết luận giám định số 14/KL-KTHS ngày 11/02/2025 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh của V thể hiện "02 (hai) dấu vân tay

dưới mục "Người lập di chúc" trên 02 (hai) mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) bị mờ nhoà, không thể hiện được hình chung và các đặc điểm riêng nên không đủ yếu tố để giám định truy nguyên".

Xét thấy, tại thời điểm lập di chúc, cụ D đã khẳng định trong di chúc là còn minh mẫn, sáng suốt, tự nguyện, không bị ép buộc, về nội dung của Di chúc lập ngày 31/7/2001 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M đúng theo quy định tại Điều 656 và Điều 661 Bộ luật Dân sự năm 1995. Do đó, di chúc của cụ D là di chúc hợp pháp theo Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 1995 nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B yêu cầu hủy Di chúc do cụ D lập ngày 31/7/2001 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đ là không có căn cứ.

Di chúc lập ngày 31/7/2001 là hợp pháp nên cụ B, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với 02 thửa đất và căn nhà đã nêu trên là không có căn cứ.

Sau khi cụ D chết, cụ T căn cứ vào Di chúc lập ngày 31/7/2001 của cụ D, cụ T đã đi đăng ký và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/4/2004. Xét về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho cụ T là đúng quy định. Cụ B, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ T là không có căn cứ.

Đối với thửa đất 231, diện tích 4.875m^2, vào ngày 24/10/2006 cụ Võ Văn T làm hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất (bằng hình thức tặng cho) cho 04 người con gồm các ông (bà): Võ Thị Ngọc Y được tặng cho diện tích 1.013,97m^2, bà Y đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2006; bà Võ Thị Mai K được tặng cho diện tích 989,98m^2, bà K đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2006; ông Võ Thế H6 được tặng cho diện tích 1.928m^2, ông H6 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2006; ông Võ Hoàng H7 được tặng cho diện tích 1021,2m^2, ông H7 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2006, đối với thửa 637 (đổi thành thửa 67) cụ T được đứng tên lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/11/2006. Ngày 31/8/2020, cụ T làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Võ Hoàng H7, ông H7 đứng tên trang 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng do cụ T đứng tên ngày 17/9/2020. Xét thấy, các thửa đất nêu trên cụ T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thừa kế từ Di chúc của cụ D như nhận định trên là di chúc hợp pháp thì cụ T có quyền định đoạt cho các con bằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Nay bà Y, bà K, ông H6 và ông H7 được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp nên cụ B, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B yêu cầu hủy hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Văn T với các ông bà Võ Thị Ngọc Y, Võ Thị Mai K, Võ Thế H6, Võ Hoàng H7 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Y, bà K, ông H6, ông H7 không có căn cứ.

[2.3] Bà Võ Thị Mai K yêu cầu cụ B tháo dỡ nhà trả lại diện tích đất 75m^2 (đo thực tế 92m^2) nằm diện tích 989,98m^2 tại Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do bà K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà K cho rằng vào năm 2012, cụ Võ Thị B từ Thành phố Hồ Chí Minh về chưa có chỗ ở nên cụ B có

xin bà cho cất nhà ở nhờ, thỏa thuận khi nào cụ B mua được đất khác cất nhà ở thì trả lại đất. Năm 2017, cụ B đã ra ngoài ở và nhà đóng cửa không ai ở, có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 07/12/2020. Cụ B cũng đã chết, tại thời điểm cất nhà ở, cụ B không được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà do bà K đứng tên, cụ B biết ở nhờ là có thời hạn mà lại cất nhà, xây tường. Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH S2 trị giá căn nhà là 281.000.000 đồng. Bà K tự nguyện chịu chi phí tháo dỡ nhà cho cụ B 50.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này của bà K là phù hợp do đó Toà án cấp sơ thẩm buộc cụ B tháo dỡ căn nhà tường cột bê tông diện tích 92,4m^2 nằm trong diện tích 989,98m^2 tại Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do bà K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả đất lại cho bà K, ghi nhận bà K chịu chi phí di dời cho cụ B là 50.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của cụ B, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

Ý kiến của Luật sư H1 không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ý kiến của Luật sư T1 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Ông Phạm Phú H đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Bạch C4, đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cụ B là người cao tuổi khi kháng cáo nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 106; 117; 119; 133; 161 và Điều 401; 502; 503 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 147; 157; 161; 165; khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của cụ Võ Thị B, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Võ Thị Bạch. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của cụ Võ Thị B, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Võ Thị B về việc yêu cầu:

+ Hủy Di chúc do cụ Trương Thị D lập ngày 31/7/2001 được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03850QSDĐ/793.9604/QĐUB(H) ngày 09/6/2004 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho cụ Võ Văn T đứng tên;

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và ông Võ Thế H6 xác lập ngày 24/10/2006;

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và bà Võ Thị Ngọc Y xác lập ngày 24/10/2006;

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và ông Võ Hoàng H7 xác lập ngày 24/10/2006;

+ Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ Võ Văn T và bà Võ Thị Mai K xác lập ngày 24/10/2006;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03022 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Võ Thị Mai K đứng tên.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03025 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Võ Hoàng H7 đứng tên.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03026 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Võ Thị Ngọc Y đứng tên.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03021 ngày 22/11/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ông Võ Thế H6 đứng tên.

+ Chia thừa kế theo pháp luật: 01 ngôi nhà ngói 03 căn, kết cấu xây dựng: Cột bê tông, vách tường, mái ngói, nền gạch bông, diện tích xây dựng khoảng 150m^2 được xây dựng trên thửa đất số 637, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.601m^2 đất vườn, tọa lạc tại: Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trương Thị D.

+ Chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 637, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.601m^2 tại Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và thửa đất số 231, diện tích 4.875m^2 đất 2L, tọa lạc tại Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do cụ D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/1997 cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trương Thị D.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Mai K, yêu cầu cụ Võ Thị B tháo dỡ căn nhà có diện tích 92,4m^2 có kết cấu: Xây tường, cột bê tông cất trên diện tích 989,98m^2 thửa 67, tờ bản đồ số 14, tại Ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do bà K đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2006 *(có sơ đồ kèm theo)*.

Ghi nhận bà Võ Thị Mai K chịu chi phí tháo dỡ nhà cho cụ B là 50.000.000 đồng.

Thời gian giao tiền và tháo dỡ nhà thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Cụ B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Mai K được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001741 ngày 09/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Phú H đại diện người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Võ Thị B phải chịu, đã thực hiện xong.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Võ Thị B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (NTCL).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương